

Lâm Đồng: HIỆU QUẢ TỪ CÁC DỰ ÁN NÔNG THÔN MIỀN NÚI

PGS.TS LÊ XUÂN THẨM

Giám đốc Sở KH&CN Lâm Đồng

Những năm qua, hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) của Lâm Đồng đã đạt được nhiều kết quả, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong thành công đó, đóng góp của các dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi có vai trò quan trọng. Hầu hết các dự án thuộc Chương trình này đã thực sự tạo được điểm sáng về ứng dụng tiến bộ KH&CN, thúc đẩy liên kết 4 nhà trong sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực cho địa phương, góp phần nâng cao trình độ sản xuất, dân trí và cải thiện đời sống nhân dân...

Lâm Đồng có nhiều tiềm năng và lợi thế về tài nguyên đất đai, nguồn nước, nhân lực và điều kiện sinh thái để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô hàng hóa với các loại nông đặc sản ưu thế so với các vùng khác như: cây công nghiệp dài ngày, cây dược liệu, bò sữa, cá, rau, hoa, quả cao cấp có nguồn gốc ôn đới và á nhiệt đới. Nhằm phát huy lợi thế của tỉnh trong phát triển nông nghiệp, Quy hoạch phát triển KH&CN tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 đã xác định Chương trình phát triển nông nghiệp công nghệ cao là 1 trong 6 chương trình trọng tâm của tỉnh.

Mặc dù kinh phí sự nghiệp KH&CN hàng năm hiện mới chiếm khoảng 0,66% tổng chi ngân sách của tỉnh, song hiệu quả của các đề tài/dự án mang lại ngày càng cao, góp phần thay đổi năng suất và chất lượng trong sản xuất nói riêng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung. Trong đó, các dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi có vai trò hết sức quan trọng, được xem là một quá trình hội tụ, tích hợp tiến bộ KH&CN, tăng cường liên kết 4 nhà trong sản xuất và dịch chuyển phương thức đầu tư thiết thực, lối cuốn tích cực vốn đối ứng của xã hội.

Trên cơ sở thành công của các mô hình thuộc các dự án nông thôn miền núi, ban chủ nhiệm các dự án đã phối hợp với cơ quan quản lý và đơn vị chuyển giao công nghệ tổ chức tập huấn, phổ biến kết quả để người dân trong vùng dự án học tập, nhân rộng, góp phần đổi mới cách nghĩ và cách làm của người dân theo hướng thực hiện quy trình sản xuất một cách khoa học, tạo thành vùng sản

xuất nguyên liệu tập trung có lợi thế so sánh. Thực tế đã thể hiện rõ quá trình liên kết 4 nhà trong triển khai thực hiện các dự án. Đối với doanh nghiệp chủ trì thực hiện dự án, việc ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay nhằm nâng cao năng suất, kiểm soát được chất lượng sản phẩm, hạ giá thành và nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa, đồng thời giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Các kết quả nổi bật

Dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN trong sản xuất hoa tại Đà Lạt, Lâm Đồng” được thực hiện với 2 ha hoa địa lan, 4 ha hoa hồng và 12 ha hoa cúc.



Mô hình trồng hoa cúc

Các mô hình sản xuất phát triển tốt, ít sâu bệnh, năng suất và chất lượng sản phẩm hoa các loại của các mô hình tăng đáng kể nên đã nâng cao được hiệu quả kinh tế, tăng lợi nhuận sản xuất mỗi vụ khoảng 5.000.000 đồng/1.000 m² so với sản xuất đại trà. Dự án đã góp phần hoàn thiện các tài liệu kỹ thuật: tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống, tiêu chuẩn sản phẩm hoa địa lan, hoa cúc, hoa hồng; quy trình sản xuất cây giống, quy trình sản xuất hoa thương phẩm, kỹ thuật xử lý, bảo quản, đóng gói sản phẩm các loại hoa địa lan, cúc, hồng. Bên cạnh đó, dự án đã đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật cho 76 lượt cán bộ kỹ thuật; tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho 540 lượt nông dân tham gia các mô hình cũng như nông dân trong vùng về kỹ thuật trồng và chăm sóc hoa địa lan, hoa cúc, hoa hồng; kỹ thuật xử lý, bảo quản, đóng gói sản phẩm. Hiện nay, các mô hình sản xuất hoa thương phẩm của dự án được nông dân trong vùng nhân rộng vào sản xuất, góp phần tăng năng suất, sản lượng, chất lượng sản phẩm hoa.

Dự án “Áp dụng tiến bộ kỹ thuật cơ giới hóa trong khâu thu hoạch chè búp tươi ở tỉnh Lâm Đồng” được triển khai tại Doanh nghiệp chè Minh Rồng trên diện tích khoảng 50 ha. Sau 2 năm thực hiện, vườn chè phát triển tốt và cho năng suất cao. Nhờ áp dụng máy hái trong khâu thu hoạch và quản lý dịch hại tổng hợp nên số lần phải phun thuốc trừ sâu giảm còn 4-5 lần/năm. Từ khi áp dụng thu hái bằng máy, số lứa hái chỉ là 6 đến 7 lứa/năm, một ngày hái chè bằng máy được 350-525 kg (tùy thuộc sử dụng máy hái đơn hay máy hái đôi), năng suất lao động tăng 4-6 lần. Nhờ áp dụng cơ giới hóa trong khâu thu hoạch chè búp tươi đã góp phần giảm chi phí thu hái khoảng 55%, chi phí cho công tác bảo vệ thực vật cũng giảm khoảng 50%. Đến nay, dự án vẫn được duy trì, là điểm tham quan học tập cho các doanh nghiệp và người trồng chè trên địa bàn.

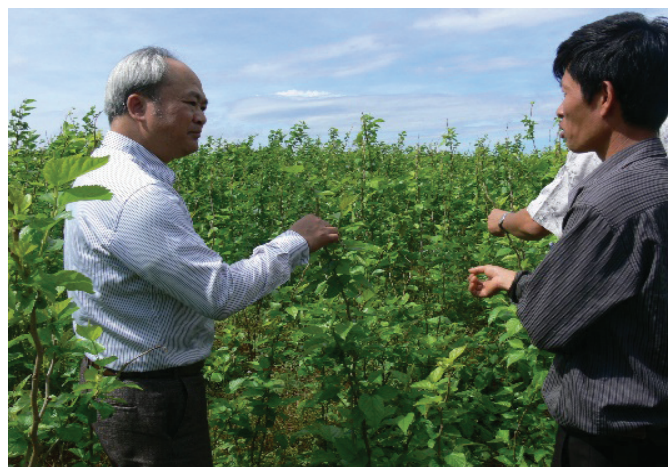


Mô hình áp dụng cơ giới hóa trong thu hoạch chè

Dự án “Xây dựng mô hình sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh vật từ bã thải trồng nấm, phế thải chăn nuôi và trồng trọt tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng” đã chuyển

giao thành công 3 quy trình công nghệ: công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh vật (mật độ vi sinh vật tạo ra trong quá trình lên men chìm đạt 10⁸-10⁹ CFU/g, lên men bề mặt đạt 10⁸ CFU/g); công nghệ xử lý nguyên liệu hữu cơ bằng chế phẩm vi sinh vật; công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh vật. Đã sản xuất được 1 tấn chế phẩm vi sinh vật với mật độ vi sinh vật hữu hiệu đạt 10⁷-10⁸ CFU/g, thời gian bảo quản > 3 tháng; 500 tấn chế phẩm hữu cơ vi sinh với mật độ vi sinh vật hữu hiệu mỗi chủng đạt > 10⁶ CFU/g, thời gian bảo quản 6 tháng; xây dựng 3 mô hình sử dụng phân hữu cơ vi sinh cho cà phê, chè, rau với quy mô 1 ha/mô hình; đào tạo được 20 kỹ thuật viên và tập huấn cho 500 lượt hộ dân. Thành công của dự án đã giúp tận dụng được nguồn chất thải từ nghề trồng nấm và chăn nuôi ở địa phương, góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống người dân và bảo vệ môi trường.

Dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao công nghệ để phát triển bền vững nghề trồng dâu nuôi tằm ở huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng” đã hoàn thành đầy đủ số lượng sản phẩm và vượt các chỉ tiêu kỹ thuật so với đăng ký, cụ thể như sau: hoàn thiện và chuyển giao 10 quy trình trồng dâu, nuôi tằm, phòng trị sâu bệnh hại, sấy và bảo quản kén phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. Xây dựng 2 mô hình trồng mới và cải tạo vườn dâu với năng suất lá đạt 17-29,5 tấn/ha/năm, năng suất kén đạt 1.400-2.400 kg/ha dâu; xây dựng thành công 6 mô hình nuôi tằm với 6.600 hộp trứng, tỷ lệ trứng nở đạt trên 95%, hiệu quả kinh tế cao hơn 22%; xây dựng 1 mô hình nuôi tằm lấy kén ươm với 6.000 hộp/30 tháng, năng suất 45 kg kén/hộp, kén đạt tiêu chuẩn ươm trên 96%, hệ số tiêu hao 7,4 kg kén/kg tơ; xây dựng 1 mô hình liên kết từ sản xuất dâu, nuôi tằm đến tiêu thụ trứng với quy mô 60 ha dâu, 6.000 hộp trứng tằm và 1 nhà ươm.



Mô hình trồng dâu tại huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng

Ngoài ra, dự án đã đào tạo được 16 kỹ thuật viên nắm vững và ứng dụng thành thạo các quy trình kỹ thuật, tập huấn cho 300 lượt nông dân với trên 90% nắm vững và ứng dụng thành thạo các quy trình. Thành công của dự án đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm của ngành trồng dâu nuôi tằm huyện Lâm Hà, bước đầu hình thành mối liên kết từ sản xuất dâu, nuôi tằm đến tiêu thụ trứng cho các hộ sản xuất trong huyện. Kết quả dự án đã được Hội đồng nghiệm thu đánh giá cao và nghiệm thu đạt loại xuất sắc.

Dự án “Ứng dụng tiến bộ KH&CN sản xuất nấm dược liệu quý và nấm ăn quy mô công nghiệp tại xã Đam Bri, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng” đã tiếp nhận các quy trình nhân giống cấp I, II và III, 11 quy trình công nghệ nuôi trồng các loại nấm: ngọc châm, kim châm, đầu khỉ, linh chi..., công nghệ bảo quản, chế biến và xử lý sau thu hoạch. Xây dựng 5 mô hình sản xuất giống nấm, nuôi trồng nấm tập trung và phân tán, sơ chế, xử lý bã thải. Sản xuất 500 ống giống nấm cấp I, 1.500 chai giống nấm cấp II, 30.000 kg giống nấm cấp III; 400 tấn nấm tươi, 15 tấn nấm sấy khô; xử lý phế thải sau thu hoạch 50 tấn; đào tạo 14 kỹ thuật viên; doanh nghiệp tự đầu tư trang trại nấm với diện tích gần 1 ha (khoảng > 4 tỷ đồng) và đạt hiệu quả cao. Đến nay, dự án đã hoàn thành cơ bản các nội dung theo kế hoạch đề ra.

Dự án “Áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong trồng và sản xuất meo giống một số loại nấm ăn, nấm làm thuốc tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng” đã xây dựng 20 nhà nuôi trồng nấm tập trung với diện tích 5.000 m², 12 nhà nấm phân tán với diện tích 3.000 m², nhận chuyển giao 9 quy trình công nghệ do Trung tâm Ứng dụng KH&CN Lâm Đồng chuyển giao; đã sản xuất 591,327 tấn nấm bào ngư, 15,1 tấn nấm mèo khô và trên 11 tấn nấm các loại khác; đào tạo 8 kỹ thuật viên và tập huấn cho 200 lượt nông dân trong vùng. Đây là mô hình đạt hiệu quả cao, đặc biệt, với việc đăng ký nhãn hiệu tập thể “nấm bào ngư Đơn Dương” không chỉ tạo sức lan tỏa cho vùng nấm Đơn Dương mà còn cho các khu vực khác trong tỉnh.

Thực tế nhờ những dự án này nghề trồng nấm của tỉnh đã được khôi phục và phát triển mạnh, định hình là một lĩnh vực sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Hiện nay, tại Lâm Đồng đã hình thành khoảng 10 doanh nghiệp với trình độ công nghệ khá cao, mức đầu tư lớn (3-5 tỷ đồng/ha), tạo dòng sản phẩm khá ưu thế, có ảnh hưởng mạnh đến thị trường trong nước, cạnh tranh với nhóm hàng từ Trung Quốc.

Với dự án “Xây dựng mô hình phát triển vùng nguyên liệu cây ca cao tại huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng” đã bổ sung và hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh ca cao và trồng xen dưới tán vườn điều, hoàn thiện quy trình kỹ thuật thu hái, sơ chế và bảo quản ca cao; xây dựng mô hình trồng ca cao xen điều 30 ha, trồng ca cao thuần 10

ha. Ngoài ra, dự án đã đào tạo được 10 kỹ thuật viên và tập huấn kỹ thuật cho 751 nông dân trong vùng dự án.

Một số đề xuất

Để việc thực hiện các dự án nông thôn miền núi trong giai đoạn tới đạt hiệu quả cao hơn, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, chúng tôi xin có một số đề xuất như sau:

Một là, các cơ quan KH&CN trung ương cần hợp tác chặt chẽ với tỉnh trong việc giới thiệu, khảo nghiệm và chuyển giao tiến bộ KH&CN tiên tiến về địa bàn đặc thù sản xuất nông nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi. Cần tăng cường sự liên kết giữa 4 nhà: nhà nông, nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp theo nguyên tắc hội tụ (tích hợp) công nghệ - sản phẩm - thị trường, để trao đổi kinh nghiệm trong sản xuất, chuyển giao KH&CN và tiêu thụ sản phẩm.

Hai là, cần ưu tiên cho các doanh nghiệp triển khai thực hiện các dự án nông thôn miền núi, nhất là các doanh nghiệp chủ lực trong vùng dự án nhằm nâng cao hiệu quả và khả năng nhân rộng kết quả sau khi dự án kết thúc. Các dự án nông thôn miền núi do cơ quan nhà nước chủ trì cần có nội dung liên kết giữa thị trường tiêu thụ và sản phẩm từ mô hình của dự án hoặc liên kết giữa các mô hình và hợp tác xã tại địa phương trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ. Cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ mạnh hơn đối với việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cho những dự án tại các địa phương đặc thù, liên vùng, liên tỉnh như nấm ăn cao cấp, nấm dược liệu - cần đưa vào nhóm sản phẩm quốc gia các sản phẩm: rau, hoa, thủy sản, chăn nuôi chất lượng cao, cây thuốc quý... của vùng Tây Nguyên, vùng Duyên hải Trung Bộ...

Ba là, cần có chính sách khuyến khích xã hội hoá hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nhằm giúp người dân tiếp cận với các thành tựu KH&CN mới một cách nhanh nhất và ứng dụng hiệu quả vào sản xuất, đời sống; tạo động lực tự đầu tư - đối ứng chủ động, khai thác nguồn vốn tiềm năng trong các tầng lớp nhân dân.

Bốn là, cần có chế độ hỗ trợ kinh phí phù hợp đối với cán bộ trực tiếp làm công tác triển khai dự án ở các xã, điểm để khuyến khích, động viên tinh thần, trí tuệ tập trung vào công tác hỗ trợ, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật. Nên có cơ chế, chính sách khuyến khích để nhân rộng mô hình và bố trí kinh phí cho việc duy trì, nhân rộng mô hình sau khi kết thúc dự án tại địa phương. Bên cạnh đó, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các khu công nghệ sinh học và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các địa phương để thu hút nhân lực chất lượng cao, công nghệ tiên tiến nhằm nghiên cứu ứng dụng, trình diễn, chuyển giao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương ✎